

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *11* /2016/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày *03* tháng *3* năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong việc giải quyết thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư, thủ tục Quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 23/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong việc giải quyết thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, thủ tục quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/3/2016.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Tư pháp, thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT.UBND tỉnh (b/c);
- CVP, các PCVP.UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HCQT, KTTH, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Signature]
Võ Ngọc Thành

QUY ĐỊNH

Thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong việc giải quyết thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư, thủ tục Quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 11 /2016/QĐ-UBND ngày 03 / 3 /2016 của UBND tỉnh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về việc thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong việc giải quyết thủ tục quyết định chủ trương đầu tư (trừ những dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh theo pháp luật về đầu tư công), thủ tục quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư giải quyết gồm:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Xây dựng;
- Sở Tài chính;
- Cục Thuế tỉnh;
- Ban quản lý khu kinh tế tỉnh (đối với dự án nằm trong khu kinh tế, khu công nghiệp);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố; các sở, ban, ngành có liên quan.

2. Nhà đầu tư và tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh; doanh nghiệp có dự án đầu tư thuộc đối tượng được hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn, tiếp nhận, trả kết quả giải quyết cho nhà đầu tư.

2. Các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư để đề xuất UBND tỉnh giải quyết theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo yêu cầu về nội dung thẩm định và thời gian góp ý.

Điều 4. Quy trình tiếp nhận và trả kết quả

1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể theo mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ nhập vào sổ theo dõi hồ sơ theo mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg; lập giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg.

2. Chuyển hồ sơ:

a) Sau khi tiếp nhận hồ sơ, công chức lập phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ theo mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg;

b) Chuyển hồ sơ và phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ cho phòng chuyên môn. Phiếu kiểm soát quy trình giải quyết hồ sơ được chuyển theo hồ sơ và lưu tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

3. Giải quyết hồ sơ:

a) Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan có liên quan để phối hợp giải quyết. Cơ quan được hỏi ý kiến phải trả lời trong thời gian quy định.

b) Trường hợp việc giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện sau khi có kết quả giải quyết của cơ quan phối hợp thì Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi văn bản, hồ sơ cho cơ quan phối hợp để giải quyết trong thời gian quy định.

c) Trên cơ sở giải quyết hồ sơ của các cơ quan phối hợp, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định và chuyển kết quả giải quyết hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

d) Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. Thời gian mà các cơ quan chuyên môn, tổ chức đã giải quyết lần đầu được tính trong thời gian giải quyết hồ sơ.

đ) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không giải quyết hồ sơ. Thông báo được nhập vào mục trả kết quả trong sổ theo dõi hồ sơ. Thời hạn thông báo phải trong thời hạn giải quyết theo quy định.

e) Trường hợp hồ sơ quá hạn giải quyết: Hồ sơ quá hạn thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan nào thì cơ quan đó phải có văn bản xin lỗi đến tổ chức, cá nhân, trong đó ghi rõ lý do quá hạn và thời hạn trả kết quả gửi Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Đồng thời xử lý trách nhiệm cá nhân, đơn vị liên quan gây ra sự chậm trễ này.

4. Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Công chức tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả nhập vào sổ theo dõi hồ sơ và thực hiện như sau:

a) Các hồ sơ đã giải quyết xong: Trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức;

b) Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của Sở Kế hoạch và Đầu tư và văn bản xin lỗi của bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

c) Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo không giải quyết hồ sơ;

d) Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức. Đồng thời xử lý trách nhiệm cá nhân, đơn vị liên quan gây ra sự chậm trễ này.

đ) Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả;

e) Trường hợp cá nhân, tổ chức chưa đến nhận hồ sơ theo giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả thì kết quả giải quyết hồ sơ được lưu giữ tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ THỜI GIAN GIẢI QUYẾT

Điều 5. Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư

1. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;

b) Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

c) Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

d) Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

đ) Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

e) Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

g) Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

2. Số lượng hồ sơ: 04 bộ.

3. Tổng thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cụ thể như sau:

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan để phối hợp giải quyết.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm hồ sơ dự án đầu tư, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thẩm định hồ sơ và gửi văn bản thẩm định cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Nội dung thẩm định bao gồm:

- Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất;

- Nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (đối với dự án được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất);

- Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (đối với dự án có mục tiêu thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài);

- Ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (đối với dự án thuộc đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư);

- Đánh giá tác động của dự án đến môi trường, phát triển kinh tế xã hội.

- Công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư (đối với dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ).

Quá thời hạn trên mà các cơ quan phối hợp không có ý kiến gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư thì xem như là đồng ý với nội dung hồ sơ dự án và chịu trách nhiệm về các nội dung của dự án liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan phối hợp.

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ văn bản thẩm định của các sở, ban, ngành; Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến, lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh quyết định và chuyển kết quả giải quyết hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư và báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư (trừ trường hợp có quy định khác). Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 6. Thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư

Trường hợp điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính; tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có), trình tự, thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư như sau:

1. Thành phần hồ sơ:

- a) Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;
- b) Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh;
- c) Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư (đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Điều 39 Luật Đầu tư);
- d) Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có).

2. Số lượng hồ sơ: 04 bộ.

3. Tổng thời gian giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cụ thể như sau:

- a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan để phối hợp giải quyết.
- b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm hồ sơ dự án đầu tư, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thẩm định những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị về các nội dung đề nghị điều chỉnh và gửi văn bản thẩm định cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Quá thời hạn trên mà các cơ quan phối hợp không có ý kiến gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư thì xem như là đồng ý với nội dung hồ sơ dự án điều chỉnh và chịu trách nhiệm về các nội dung điều chỉnh của dự án liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan phối hợp.

- c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ văn bản thẩm định của các sở, ban, ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến, lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư trình UBND tỉnh quyết định và chuyển kết quả giải quyết hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư và báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư (trừ trường hợp có quy định khác). Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 7. Thủ tục Quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ

1. Thành phần hồ sơ:

a) Bản đề nghị ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 05/2014/TT-BKHĐT;

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có) kèm theo bản tóm tắt tình hình và kết quả thực hiện dự án từ khi bắt đầu hoạt động đến thời điểm đề nghị hỗ trợ đầu tư (đối với dự án đầu tư đã triển khai).

Trường hợp dự án chưa được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, doanh nghiệp nộp kèm theo giải trình kinh tế - kỹ thuật về: mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư; vốn đầu tư (trong đó giải trình rõ về khoản kiến nghị hỗ trợ đầu tư); tiến độ thực hiện dự án; nhu cầu sử dụng đất; giải pháp về công nghệ và giải pháp về môi trường.

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin ghi trong hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư.

2. Số lượng hồ sơ: 08 bộ (trong đó có 01 bộ gốc, hồ sơ còn lại được đóng dấu giáp lai của doanh nghiệp thực hiện).

3. Tổng thời gian giải quyết: Không quá 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra nguồn vốn từ ngân sách Trung ương thì thời hạn giải quyết tối đa không quá 30 ngày làm việc, cụ thể như sau:

a) Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án và cơ quan chuyên ngành liên quan hoặc Ban quản lý khu kinh tế tỉnh (đối với dự án nằm trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp).

b) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan quy định tại điểm a khoản 3 Điều này theo chức năng, nhiệm vụ có ý kiến thẩm tra bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và chịu trách nhiệm về những vấn đề thuộc chức năng quản lý của mình.

Nội dung thẩm tra đề nghị hỗ trợ đầu tư:

- Dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại Nghị định 210/2013/NĐ-CP;
- Dự án đầu tư đáp ứng các điều kiện được hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP;
- Rà soát các hỗ trợ đầu tư mà doanh nghiệp đề nghị quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP.

c) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn nhận ý kiến của các cơ quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan và căn cứ khả năng cân đối ngân sách đối với đề nghị hỗ trợ đầu tư của doanh nghiệp để lập báo cáo thẩm tra trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ đầu tư cho dự án.

Trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp thẩm tra trước khi trình UBND tỉnh.

Trường hợp dự án đã thực hiện trước ngày Nghị định số 210/2013/NĐ-CP có hiệu lực, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra thực tế các nội dung ưu đãi và hỗ trợ của doanh nghiệp trước khi trình UBND tỉnh theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

d) Trường hợp sử dụng ngân sách Trung ương hỗ trợ theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo đề nghị thẩm tra và báo cáo kết quả thẩm tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thẩm tra nguồn vốn. Thời gian Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến bằng văn bản về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn từ ngân sách trung ương hỗ trợ dự án, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh được quy định tại khoản 5, điều 5 Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (12 ngày làm việc).

đ) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo thẩm tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án sử dụng ngân sách địa phương, hoặc văn

bản thẩm tra nguồn vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án sử dụng ngân sách Trung ương hỗ trợ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tham gia thực hiện cơ chế một cửa liên thông

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Lập thủ tục trình UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, quyết định hỗ trợ đầu tư theo đúng quy định;
- Chịu trách nhiệm công khai các quy định, thủ tục hành chính đầy đủ, thường xuyên, rõ ràng dễ tiếp cận, dễ khai thác, sử dụng theo quy định;
- Chịu trách nhiệm hướng dẫn các biểu mẫu và nghiệp vụ chuyên môn, cung cấp các thông tin về danh mục dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Sở Xây dựng:

- Công bố đầy đủ, cung cấp các thông tin về quy hoạch theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trong việc thẩm định hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư theo những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Công bố đầy đủ, cung cấp các thông tin về trích lục bản đồ, quy hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trong việc thẩm định hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư theo những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị.

4. Sở Khoa học và Công nghệ: Chịu trách nhiệm trong việc thẩm định công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư và những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị.

5. Cục Thuế tỉnh: Chịu trách nhiệm trong việc thẩm định ưu đãi đầu tư, điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư và những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị.

6. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan:

- Chịu trách nhiệm trong việc thẩm định hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư, hồ sơ quyết định hỗ trợ đầu tư theo những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị.

- Tham dự các cuộc họp để xét, giải quyết hồ sơ khi được Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức (nếu cần thiết);

- Thực hiện cải tiến công tác tham gia góp ý để đảm bảo thực hiện đúng thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo hình thức sau:

+ Đối với các sở, ban, ngành, UBND thành phố Pleiku: Trực tiếp gửi văn bản góp ý đã được lãnh đạo cơ quan, đơn vị ký phê duyệt đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời sao, chụp, scan văn bản góp ý theo định dạng PDF có đầy đủ con dấu, chữ ký theo thẩm quyền, gửi bản điện tử vào địa chỉ hộp thư điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

+ Đối với UBND huyện, thị xã: Trực tiếp gửi văn bản góp ý đã được lãnh đạo cơ quan, đơn vị ký phê duyệt (hoặc qua hệ thống bưu chính) đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời sao, chụp, scan văn bản góp ý theo định dạng PDF có đầy đủ con dấu, chữ ký theo thẩm quyền, gửi bản điện tử vào địa chỉ hộp thư điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 9. Tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính theo cơ chế một cửa liên thông

1. Công chức tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân về các quy định hành chính theo cơ chế một cửa liên thông; hẹn ngày báo kết quả (không quá 15 ngày) và cập nhật vào sổ theo dõi.

2. Trong thời gian không quá 03 ngày (kể từ khi tiếp nhận phản ánh, kiến nghị), công chức tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm chuyển các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân đến lãnh đạo cơ quan để xử lý phản ánh, kiến nghị hoặc gửi cho các cơ quan, đơn vị có liên quan để giải quyết.

Thời gian công chức, viên chức tiếp nhận phản ánh, kiến nghị chuyển đến các cơ quan, tổ chức và thời gian thông báo kết quả xử lý phải cập nhật vào sổ theo dõi.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, đôn đốc, trực tiếp liên hệ với các cơ quan liên quan khác (nếu cần thiết) để giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân. Các cơ quan liên quan được phối hợp phải có trách nhiệm xử lý đúng thời gian yêu cầu.

4. Trường hợp các cơ quan liên quan xử lý phản ánh, kiến nghị chậm hơn thời gian yêu cầu thì thủ trưởng phải có trách nhiệm thông báo lý do bằng văn bản với tổ chức, công dân; đồng thời báo Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi.

5. Sau khi nhận kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị, công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả có trách nhiệm thông báo đến tổ chức và công dân theo thời gian đã hẹn.

6. Mở sổ và hòm thư góp ý, địa chỉ email, công khai số điện thoại lãnh đạo cơ quan, trưởng phòng chuyên môn và các cơ quan liên quan.

Điều 10. Khen thưởng, kỷ luật

1. Trách nhiệm và kết quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông là một trong những căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác hàng năm của người đứng đầu Sở Kế hoạch và Đầu tư và của cán bộ, công chức có liên quan.

2. Thủ trưởng các sở, ngành, địa phương có liên quan, cán bộ, công chức hoàn thành tốt các nhiệm vụ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông được xem xét, khen thưởng hàng năm theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

3. Cán bộ, công chức, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định hoặc cản trở việc tổ chức thực hiện cơ chế một cửa liên thông thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để xem xét sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh quy định cho phù hợp.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Thành